

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - PT
Ngày: 28 – 3 – 2018
V/v: Ly hôn và tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT- HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2018, về việc: Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST, ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2018/QĐ-PT, ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài P, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Con chung trên 07 tuổi:

1/ Nguyễn Ngọc Hoài T1, sinh ngày 22/11/2003 (vắng mặt);

2/ Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 01/4/2008 (vắng mặt);

Cùng trú tại Ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long

- Do có kháng cáo của: Anh Nguyễn Hoài P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào tháng 3/2002, chị N và anh Nguyễn Hoài P qua quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới. Sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 30/10/2009. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống, anh P chơi cờ bạc đã bị Công an xã Y lập biên bản vi phạm, nhiều người đến đòi nợ và chửi mắng chị N. Chị N và anh P đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Hiện tình cảm giữa chị N và anh P không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị N và anh P có ba con chung tên Nguyễn Ngọc Hoài T1, sinh ngày 22/11/2003, Nguyễn Ngọc Hoài A, sinh ngày 01/4/2008, Nguyễn Ngọc Hoài T2, sinh ngày 01/11/2015, hiện các cháu T1, A, T2 đang sống cùng chị N. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1, A, T2, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị N và anh P tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Hoài P trình bày:*

Về hôn nhân giữa anh P và chị N đúng như chị N trình bày, anh P và chị N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y vào năm 2009. Theo anh P, vợ chồng anh có cãi vã nhưng mâu thuẫn không lớn, trước đây anh có chơi cờ bạc nhưng hiện nay anh đã bỏ không chơi nữa. Anh P và chị N đã ly thân từ tháng 01/2017 đến nay nhưng anh P vẫn qua lại yêu cầu chị N về nhà. Do vẫn còn thương vợ con, mong muốn được đoàn tụ gia đình nên anh P không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh P và chị N có ba con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Hoài T1, Nguyễn Ngọc Hoài A, Nguyễn Ngọc Hoài T2 đúng như chị N trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tùy ý kiến các cháu muốn sống với ai cũng được, anh P có tiền bao nhiêu thì cho con bấy nhiêu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2017/HNGĐ-ST, ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về tài sản chung, nợ chung; về con chung; về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/01/2018, anh P có đơn kháng cáo đối với bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST, ngày 25/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị N.

Lý do kháng cáo: Anh P không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, vì anh P cho rằng còn thương chị N và các con; mâu thuẫn vợ chồng không lớn và đã khắc phục xong nên anh P yêu cầu được đoàn tụ để chăm lo cho các con.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người kháng cáo là bị đơn anh P trình bày:* Anh P vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo như trên, không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới.

- *Nguyên đơn chị N trình bày:* Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh P.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, không có vi phạm.

- Đối với kháng cáo của anh P là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh P không đưa ra được kế hoạch gì để thuyết phục được chị N cùng hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình; đồng thời anh P cũng thừa nhận trong quá trình hôn nhân anh P có chơi đánh bài và đã bị Công an xử lý vi phạm hành chính. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh P, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với kháng cáo của anh P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu ly hôn của chị N. Tòa sơ thẩm nhận định anh P đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng được quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ, bởi: Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 55-58), anh P thừa nhận trong thời gian chung sống với chị N, anh P nhiều lần đánh bài và đã bị Công an xã Y lập biên bản vi phạm hành chính; anh P cũng thừa nhận có la mắng chị N khi chị

N đi làm về khuya hay đi chơi cùng bạn bè; và tại Biên bản hòa giải ngày 19/10/2017 (BL 32) anh P trình bày: Vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ tháng 01/2017. Vì thế, Tòa sơ thẩm xử cho chị N được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, mặc dù anh P mong muốn được đoàn tụ với chị N nhưng anh P không đưa ra được kế hoạch để hàn gắn hạnh phúc gia đình; chị N thì không đồng ý đoàn tụ như anh P yêu cầu mà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh P. Nên theo đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì anh P phải nộp 300.000đ và được khấu trừ vào số tiền anh P đã nộp tạm ứng là 300.000đ theo biên lai thu số 0008957, ngày 12/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, anh P không phải nộp thêm.

[3] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về con chung; về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 19, 53, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Hoài P, giữ nguyên án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Chị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoài P.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về con chung; về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh P phải nộp 300.000đ và được khấu trừ vào số tiền anh P đã nộp tạm ứng là 300.000đ theo biên lai thu số 0008957, ngày 12/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, anh P không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND T.VL;
- TAND Tx.BM;
- Chi cục THADS Tx.BM;
- UBND xã Y, Tx.Z;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường